TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: 53/ 2018/ QĐST-HNGĐ	*Sông Công, ngày 12 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 55/ 2018/ TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố M, phường C, thành phố S, tỉnh T.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc H1, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố Mi, phường C, thành phố S, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Ngọc H1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung Trần Thúy D, sinh ngày 30/9/2003 và Trần Thị Diễm Quỳnh, sinh ngày 21/12/2007.

Anh Trần Ngọc H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thị Diễm Q 1.500.000đ *(một triệu, năm trăm nghìn đồng)*/ 01 tháng kể từ tháng 7/ 2018 cho đến khi cháu Quỳnh đủ 18 tuổi; chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung Trần Thúy Diễm. Anh H1 được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H1 chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, nợ chung không có: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị H và anh Trần Ngọc Hiểm thỏa thuận, chị H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0010910 ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Sông Công;
- UBND phường Cải Đan, thành phố Sông Công;
- Chi cục THADS TP. Sông Công;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Dương Văn Phong